



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.409.751
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.100.682
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.308.140
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	815.040
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	71.100
2	Chi thường xuyên (2)	11.524.150
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.614.583
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	19.916
3	Chi trả lãi vay	6.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	260.592
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.309.069
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.403.670
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	799.225
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	3.106.174
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	71.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	87.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	71.100
II	Vay để trả nợ gốc	16.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÀ GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	16.510.861
I	Bổ sung cân đối ngân sách	10.109.650
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	1.092.142
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	5.309.069

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 87.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 17.566 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.064.586
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.457.027
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.596.030
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	573.030
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
2	Chi thường xuyên (3)	7.667.684
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.520.331
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.991
3	Chi trả lãi vay	2.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	189.213
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.607.559
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.950.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	323.498
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	1.333.741
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	3.600
D	Tổng số vay trong năm (6)	2.200
I	Vay để trả nợ gốc	2.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TUYỀN QUANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.881.486
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.793.984
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (7)	479.943
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	3.607.559

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 1.599.630 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 2.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 7.521 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 36.300 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.344.711
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.382.669
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.011.481
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	797.981
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500
2	Chi thường xuyên (3)	8.176.935
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.521.951
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.934
3	Chi trả lãi vay	4.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	188.353
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.962.042
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.295.550
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	174.118
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	2.492.374
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	35.000
D	Tổng số vay trong năm (6)	4.100
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	4.100

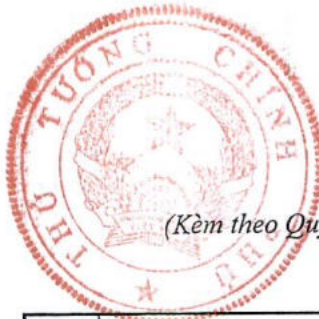
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH CAO BẰNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.303.541
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.640.301
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (7)	701.198
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	3.962.042

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 1.046.481 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 4.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 8.970 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.940.807
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.271.277
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.411.132
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	787.332
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	9.800
2	Chi thường xuyên (2)	9.631.115
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.655.193
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	16.246
3	Chi trả lãi vay	2.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	225.230
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.669.530
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.084.960
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	115.969
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.468.601
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	9.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	20.200
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	9.800
II	Vay để trả nợ gốc	10.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LẠNG SƠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	11.682.207
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.156.116
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	856.561
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.669.530

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 20.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 18.753 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.967.916
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.855.111
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.313.873
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	718.373
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.520.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.500
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	40.000
2	Chi thường xuyên (2)	10.242.836
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.725.928
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.980
3	Chi trả lãi vay	21.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.100
5	Dự phòng ngân sách	276.302
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.112.805
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	921.280
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	381.071
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.810.454
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	40.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	72.200
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	40.000
II	Vay để trả nợ gốc	32.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LÀO CAI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.715.544
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.602.739
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	3.112.805
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	494.572

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 72.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 20.031 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 303.000 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH YÊN BÁI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.976.528
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.405.647
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.772.784
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	564.084
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.050.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	115.700
2	Chi thường xuyên (2)	8.413.664
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.612.022
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.732
3	Chi trả lãi vay	12.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	205.799
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.570.881
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.149.349
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	261.128
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.160.404
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	115.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	134.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	115.700
II	Vay để trả nợ gốc	18.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH YÊN BÁI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.896.328
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.570.622
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	754.825
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.570.881

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 134.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 7.908 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 5.650 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.546.110
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.542.070
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.954.601
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	839.601
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.223.561
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.979.341
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.289
3	Chi trả lãi vay	55.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	307.608
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.004.040
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.272.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.019.742
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	711.898
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	96
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	18.600
D	Tổng số vay trong năm (6)	40.600
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	40.600

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.004.040
I	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.004.040
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (8)	725.950

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 3.973.201 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 40.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (8) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	7.378.458
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	5.307.896
1	Chi đầu tư phát triển (1)	753.172
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	430.372
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	2.800
2	Chi thường xuyên (2)	4.444.522
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.905.590
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	13.819
3	Chi trả lãi vay	3.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	106.102
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.070.562
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	782.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	140.672
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.147.750
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	2.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	28.900
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	2.800
II	Vay để trả nợ gốc	26.100

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC KẠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.523.958
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.060.041
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	393.355
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.070.562

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 28.900 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.179 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chỉ theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.373.241
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.422.635
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.004.899
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	577.899
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000
2	Chi thường xuyên (3)	11.145.083
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.894.642
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	28.573
3	Chi trả lãi vay	2.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	268.753
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.950.606
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	699.990
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	297.434
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	953.182
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	15.000
D	Tổng số vay trong năm (6)	8.600
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	8.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH PHÚ THỌ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.609.410
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.658.804
II	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.950.606
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (8)	861.951

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 2.019.899 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 8.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 16.768 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (8) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 165.440 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	21.819.368
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	20.146.967
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.320.784
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	692.784
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
2	Chi thường xuyên (2)	12.416.454
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.355.043
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	34.113
3	Chi trả lãi vay	4.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	403.629
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.672.401
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	387.120
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	271.688
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.013.593
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	34.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.831.862
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.159.461
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.672.401
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	382.806

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 7.355.284 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 34.092 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 511.650 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.406.823
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.749.481
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.502.910
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	626.510
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	823.200
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	36.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	17.200
2	Chi thường xuyên (2)	10.005.120
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.957.333
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.244
3	Chi trả lãi vay	4.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	235.551
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.657.342
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.277.300
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	129.652
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.250.390
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	17.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	33.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	17.200
II	Vay để trả nợ gốc	16.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÒA BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.861.223
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.290.136
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	913.745
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.657.342

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 33.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 9.947 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 25.035 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.627.574
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.335.881
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.955.731
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	964.131
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	850.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	50.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	91.600
2	Chi thường xuyên (2)	12.091.464
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.259.993
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.662
3	Chi trả lãi vay	2.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.200
5	Dự phòng ngân sách	284.886
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.291.693
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	727.590
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	545.997
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	2.018.106
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	91.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	97.600
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	91.600
II	Vay để trả nợ gốc	6.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH SƠN LA

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.664.974
I	Bổ sung cân đối ngân sách	9.435.116
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	938.165
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.291.693

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 97.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 16.483 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	10.578.805
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.469.190
1	Chi đầu tư phát triển (1)	881.992
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	651.192
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	8.800
2	Chi thường xuyên (2)	6.436.490
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.939.387
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	11.705
3	Chi trả lãi vay	500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	149.208
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.109.615
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.270.750
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	116.483
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.722.382
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	8.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	10.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	8.800
II	Vay để trả nợ gốc	1.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LAI CHÂU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.641.105
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.989.742
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	541.748
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.109.615

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 10.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.295 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 28.950 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.890.278
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.990.966
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.313.872
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	716.472
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	65.400
2	Chi thường xuyên (2)	8.469.883
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.218.750
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	15.333
3	Chi trả lãi vay	7.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	198.511
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.899.312
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.426.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	366.348
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	2.106.644
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	65.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	75.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	65.400
II	Vay để trả nợ gốc	9.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	12.366.978
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.751.984
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	715.682
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.899.312

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 75.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 7.662 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	146.411.904
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	136.653.700
1	Chi đầu tư phát triển (1)	71.581.950
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	27.475.650
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	36.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	330.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	7.676.300
2	Chi thường xuyên (2)	56.930.441
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	17.595.373
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	643.492
3	Chi trả lãi vay	221.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	10.460
5	Dự phòng ngân sách	2.579.548
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	5.329.801
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	9.758.204
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	9.451.230
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	306.974
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	32
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	7.676.300
D	Tổng số vay trong năm (4)	8.050.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	7.676.300
II	Vay để trả nợ gốc	374.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.758.204
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	9.758.204

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 1.550.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 78.952 triệu đồng.

- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 5.329.801 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	32.790.424
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	31.953.120
1	Chi đầu tư phát triển (1)	16.263.758
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.809.058
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	414.700
2	Chi thường xuyên (2)	14.888.594
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.155.152
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	131.175
3	Chi trả lãi vay	168.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.700
5	Dự phòng ngân sách	630.768
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	837.304
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	755.440
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	81.864
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	76
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	414.700
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.439.500
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	414.700
II	Vay để trả nợ gốc	1.024.800

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	837.304
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	837.304
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	216.040

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 36.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.913 triệu đồng.

- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 301.244 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NINH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	31.641.066
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	30.204.724
1	Chi đầu tư phát triển (1)	13.847.491
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	5.799.491
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	48.000
2	Chi thường xuyên (2)	15.737.982
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.166.483
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	49.043
3	Chi trả lãi vay	8.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.600
5	Dự phòng ngân sách	609.451
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.436.342
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	430.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.005.622
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	51
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	34.600

2
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.436.342
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	1.436.342
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (5)	184.004

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 13.882.091 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.233.141
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.576.799
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.701.815
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	785.015
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.620.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	256.800
2	Chi thường xuyên (2)	10.491.354
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.541.746
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	42.916
3	Chi trả lãi vay	56.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.230
5	Dự phòng ngân sách	326.400
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.656.342
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	629.880
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.026.462
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	256.800
D	Tổng số vay trong năm (4)	317.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	256.800
II	Vay để trả nợ gốc	60.300

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HẢI DƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.656.342
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.656.342
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	401.812

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 317.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 29.726 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 426.417 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	30.103.748
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	28.641.700
1	Chi đầu tư phát triển (1)	18.594.171
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	971.171
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	17.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	23.000
2	Chi thường xuyên (2)	8.917.166
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.109.674
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	28.673
3	Chi trả lãi vay	3.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	726.140
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	399.523
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.462.048
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.326.890
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	135.158
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	98
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	25.500
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.462.048
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	1.462.048

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 18.619.671 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 39.261 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 1.059.241 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH VINH PHÚC

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	19.651.683
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.677.362
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.333.265
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.091.365
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	22.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	1.219.900
2	Chi thường xuyên (2)	9.830.907
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.360.271
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	47.421
3	Chi trả lãi vay	159.600
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	352.080
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.974.321
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	443.360
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.530.961
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	66
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	1.219.900
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.480.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	1.219.900
II	Vay để trả nợ gốc	260.800

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH VINH PHÚC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.974.321
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.974.321
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	77.122

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 1.480.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC NINH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.953.343
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	19.342.606
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.058.489
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.441.089
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	992.400
2	Chi thường xuyên (2)	11.912.213
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.917.820
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	62.494
3	Chi trả lãi vay	3.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	367.004
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.610.737
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.500.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	110.357
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	71
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	992.400
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.000.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	992.400
II	Vay để trả nợ gốc	7.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẮC NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.610.737
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.610.737
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	47.474

Ghi chú:

- (1) Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÀ NAM

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.392.446
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.300.737
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.384.112
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	539.112
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	45.000
2	Chi thường xuyên (2)	7.611.150
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.556.903
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	33.572
3	Chi trả lãi vay	18.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	286.475
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.091.709
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	875.600
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	216.109
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	23.000
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.391.194
I	Bổ sung cân đối ngân sách	299.485
II	Bổ sung có mục tiêu (4)	1.091.709
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (5)	43.652

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 6.407.112 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 27.580 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 400.700 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.274.868
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.655.392
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.279.974
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	736.974
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	43.000
2	Chi thường xuyên (3)	11.059.108
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.503.075
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.393
3	Chi trả lãi vay	1.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.510
5	Dự phòng ngân sách	313.500
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	619.476
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	212.120
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	176.641
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	230.715
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (5)	19.600
D	Tổng số vay trong năm (6)	5.400
	Gồm:	
I	Vay để trả nợ gốc	5.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NAM ĐỊNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.799.178
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.332.954
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (7)	846.748
III	Bổ sung có mục tiêu (8)	619.476

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chỉ đầu tư phát triển là 4.299.574 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 5.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 13.588 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (6) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (8) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 98.895 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.292.539
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.397.827
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.848.523
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.935.123
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.850.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	55.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	8.400
2	Chi thường xuyên (2)	7.242.482
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.996.312
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	48.315
3	Chi trả lãi vay	1.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	303.922
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.894.712
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	611.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	3.283.332
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	89
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	8.400
D	Tổng số vay trong năm (4)	36.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	8.400
II	Vay để trả nợ gốc	27.600

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NINH BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.894.712
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.894.712
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	570.495

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 36.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
 - (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THÁI BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.852.788
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.539.479
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.570.671
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	750.371
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.720.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	90.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	10.300
2	Chi thường xuyên (2)	9.672.674
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.886.141
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	34.521
3	Chi trả lãi vay	4.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	290.584
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.313.309
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	857.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.179.768
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	276.401
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	10.300
D	Tổng số vay trong năm (5)	48.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	10.300
II	Vay để trả nợ gốc	37.700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THÁI BÌNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.617.728
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.281.329
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	1.023.090
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.313.309

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 48.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 9.189 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	41.910.061
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	37.484.039
1	Chi đầu tư phát triển (1)	8.589.157
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.454.657
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	25.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	109.500
2	Chi thường xuyên (2)	28.109.761
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.553.522
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	57.838
3	Chi trả lãi vay	34.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	3.230
5	Dự phòng ngân sách	747.491
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.426.022
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.256.480
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	629.313
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	2.540.229
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	109.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	182.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	109.500
II	Vay để trả nợ gốc	73.200

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THANH HÓA

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	18.957.937
I	Bổ sung cân đối ngân sách	14.531.915
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	4.426.022
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	2.484.124

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 182.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 23.618 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

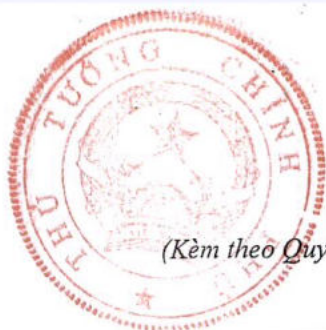
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	36.019.025
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	30.363.564
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.160.601
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.329.501
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.560.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	243.100
2	Chi thường xuyên (2)	23.585.164
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	10.737.168
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	44.746
3	Chi trả lãi vay	12.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.890
5	Dự phòng ngân sách	602.409
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	5.655.461
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.426.850
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.504.324
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	2.724.287
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	243.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	303.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	243.100
II	Vay để trả nợ gốc	60.700

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NGHỆ AN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	20.095.616
I	Bổ sung cân đối ngân sách	14.440.155
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	5.655.461
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	1.861.409

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 303.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 24.021 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.680.744
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.920.532
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.536.391
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	611.991
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	18.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	206.400
2	Chi thường xuyên (2)	12.074.018
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.959.130
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	38.110
3	Chi trả lãi vay	14.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.340
5	Dự phòng ngân sách	294.283
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.760.212
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.611.490
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	742.613
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	406.109
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	206.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	236.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	206.400
II	Vay để trả nợ gốc	30.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HÀ TĨNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.802.072
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.041.860
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.760.212
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	997.672

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 236.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 14.217 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.869.109
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.922.434
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.276.825
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	443.225
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	158.600
2	Chi thường xuyên (2)	7.393.932
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.695.456
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.909
3	Chi trả lãi vay	35.400
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	215.277
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.946.675
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.510
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.086.031
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	655.134
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	158.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	241.900
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	158.600
II	Vay để trả nợ gốc	83.300

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	8.591.329
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.864.703
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	779.951
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.946.675

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 241.900 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 8.745 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	9.241.646
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.366.178
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.304.012
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	410.812
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	40.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	53.200
2	Chi thường xuyên (2)	5.909.406
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.713.030
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.288
3	Chi trả lãi vay	5.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	146.260
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.875.468
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	675.680
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	468.600
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	731.188
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	53.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	80.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	53.200
II	Vay để trả nợ gốc	27.200

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG TRỊ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.427.546
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.045.851
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	506.227
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.875.468

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 80.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 7.369 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.619.460
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.148.163
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.342.226
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	707.526
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	120.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	414.700
2	Chi thường xuyên (2)	8.528.088
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.245.932
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	40.816
3	Chi trả lãi vay	22.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.180
5	Dự phòng ngân sách	254.669
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.471.297
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.569.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	223.171
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	678.726
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	414.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	494.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	414.700
II	Vay để trả nợ gốc	80.100

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.306.828
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.835.531
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.471.297
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	70.982

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 494.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 32.316 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 498.225 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.398.886
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.107.839
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.251.932
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.111.932
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.900.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	240.000
2	Chi thường xuyên (2)	6.513.205
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.245.597
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	47.748
3	Chi trả lãi vay	38.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.820
5	Dự phòng ngân sách	302.882
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.291.047
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.040.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.251.047
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	83
C	Bội thu ngân sách địa phương (3)	59.200

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.291.047
I	Bổ sung có mục tiêu (4)	3.291.047
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (5)	111.819

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kê cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 6.311.132 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (3) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (4) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 - * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	21.567.877
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.488.911
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.325.593
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.200.793
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	100.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	324.800
2	Chi thường xuyên (2)	12.732.286
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.025.522
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31.675
3	Chi trả lãi vay	86.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.450
5	Dự phòng ngân sách	343.282
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.078.966
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.224.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.137.642
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.716.604
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	82
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	324.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	436.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	324.800
II	Vay để trả nợ gốc	111.200

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NAM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.078.966
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	4.078.966
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	755.971

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 436.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.594.982
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.370.720
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.045.015
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.202.415
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	112.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	130.600
2	Chi thường xuyên (2)	10.318.313
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.723.196
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.170
3	Chi trả lãi vay	3.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.140
5	Dự phòng ngân sách	406.003
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	597.149
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.224.262
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	723.570
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	370.789
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.129.903
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	93
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	130.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	142.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	130.600
II	Vay để trả nợ gốc	11.800

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH QUẢNG NGÃI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.224.262
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.224.262

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 142.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 30.897 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 1.112.054 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.043.069
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.680.916
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.088.680
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	569.680
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	140.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	279.000
2	Chi thường xuyên (2)	9.266.838
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.889.681
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	35.216
3	Chi trả lãi vay	16.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.360
5	Dự phòng ngân sách	308.038
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.362.153
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	936.610
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	768.502
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	657.041
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	279.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	310.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	279.000
II	Vay để trả nợ gốc	31.700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.019.075
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.656.922
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.362.153
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	691.394

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 310.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
- Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.195 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.091.015
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.680.424
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.091.669
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	432.469
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.420.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	117.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	122.200
2	Chi thường xuyên (2)	6.393.691
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.647.586
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	21.096
3	Chi trả lãi vay	2.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	191.164
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.410.591
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	745.440
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	266.456
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	398.695
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	122.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	123.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	122.200
II	Vay để trả nợ gốc	1.500

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH PHÚ YÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.477.085
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.066.494
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.410.591
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	371.130

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 123.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.524 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 46.650 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	16.622.454
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.233.023
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.635.506
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	2.674.906
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.800.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	265.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	895.600
2	Chi thường xuyên (2)	8.257.299
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.037.979
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29.147
3	Chi trả lãi vay	72.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	266.748
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.389.431
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.826.320
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	270.546
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	292.565
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	90
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	895.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	1.040.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	895.600
II	Vay để trả nợ gốc	144.400

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KHÁNH HÒA

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.389.431
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.389.431
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	305.383

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 40.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 4.662 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 73.102 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	7.607.880
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	5.415.195
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.158.221
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	330.721
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	550.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	197.500
2	Chi thường xuyên (2)	4.143.520
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.772.208
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.762
3	Chi trả lãi vay	8.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	104.354
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.192.685
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.304.870
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	315.601
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	572.214
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	197.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	230.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	197.500
II	Vay để trả nợ gốc	32.600

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH NINH THUẬN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.766.094
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.573.409
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.192.685
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	255.486

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 230.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 3.934 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

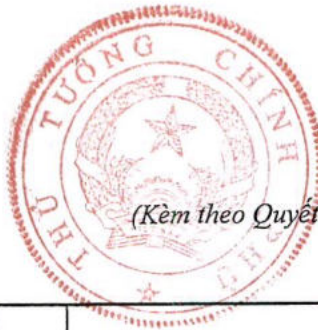
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 59.200 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	13.730.939
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.601.583
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.616.377
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	508.877
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.200.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	107.500
2	Chi thường xuyên (2)	7.750.124
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.599.141
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.339
3	Chi trả lãi vay	4.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	229.882
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.129.356
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.460
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	515.310
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	408.586
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	107.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	120.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	107.500
II	Vay để trả nợ gốc	12.800

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH THUẬN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.208.670
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.079.314
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.129.356
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	768.069

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 120.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 2.462 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	20.947.905
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	17.653.488
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.782.129
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	913.129
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	135.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	34.000
2	Chi thường xuyên (2)	14.516.029
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7.243.482
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	27.672
3	Chi trả lãi vay	1.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.440
5	Dự phòng ngân sách	352.390
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.294.417
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.202.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	589.249
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.502.788
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	34.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	47.200
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	34.000
II	Vay để trả nợ gốc	13.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐẮK LẮK

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	14.328.405
I	Bổ sung cân đối ngân sách	9.948.629
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	1.085.359
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.294.417

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 47.200 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 14.658 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	8.574.225
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	6.475.800
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.009.843
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	460.443
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	32.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	17.400
2	Chi thường xuyên (2)	5.332.289
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.353.853
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	13.392
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	129.168
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.098.425
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	968.480
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	222.076
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	907.869
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	17.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	30.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	17.400
II	Vay để trả nợ gốc	12.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐẮK NÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.923.825
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.437.536
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	387.864
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.098.425

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 30.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.106 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.838.721
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	13.312.678
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.308.413
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	903.813
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.250.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	150.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	4.600
2	Chi thường xuyên (2)	10.736.003
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.628.737
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	27.263
3	Chi trả lãi vay	700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	266.162
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.526.043
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	909.760
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	325.492
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.290.791
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	4.600
D	Tổng số vay trong năm (5)	14.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	4.600
II	Vay để trả nợ gốc	9.700

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH GIA LAI

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.974.915
I	Bổ sung cân đối ngân sách	7.448.872
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.526.043
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	655.406

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 14.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 12.639 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 93.050 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KON TUM

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	9.355.624
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.014.291
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.095.720
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	547.220
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	68.500
2	Chi thường xuyên (2)	5.776.555
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.653.298
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	17.641
3	Chi trả lãi vay	2.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	138.916
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.341.333
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	823.220
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	164.155
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	1.353.958
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	68.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	77.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	68.500
II	Vay để trả nợ gốc	8.600

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KON TUM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	6.503.524
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.719.573
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	442.618
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	2.341.333

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 77.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 4.460 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 10.400 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.640.675
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.562.903
1	Chi đầu tư phát triển (1)	5.324.843
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	670.343
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.750.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	14.500
2	Chi thường xuyên (2)	9.924.492
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.353.039
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	32.631
3	Chi trả lãi vay	1.300
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.300
5	Dự phòng ngân sách	310.968
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.077.772
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.498.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	91.493
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	487.559
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	14.500
D	Tổng số vay trong năm (5)	20.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	14.500
II	Vay để trả nợ gốc	5.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LÂM ĐỒNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.747.201
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.669.429
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.077.772
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	515.364

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 20.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.375 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 48.805 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	126.853.946
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	122.849.235
1	Chi đầu tư phát triển (1)	75.577.216
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	28.218.816
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	33.960.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.400.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	8.998.400
2	Chi thường xuyên (2)	43.657.102
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.053.188
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	634.474
3	Chi trả lãi vay	1.326.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	11.400
5	Dự phòng ngân sách	2.277.017
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.004.711
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.686.560
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	318.151
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	21
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	8.998.400
D	Tổng số vay trong năm (4)	9.749.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	8.998.400
II	Vay để trả nợ gốc	750.900

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.004.711
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	4.004.711
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	511.095

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 4.749.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 2.422 triệu đồng.

- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 517.721 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	27.874.587
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	23.204.120
1	Chi đầu tư phát triển	9.988.405
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.518.405
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.600.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.870.000
2	Chi thường xuyên (1)	12.739.223
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	6.214.553
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	119.481
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	2.910
4	Dự phòng ngân sách	473.582
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.670.467
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.359.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	2.311.467
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	50

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐỒNG NAI**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
C	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.670.467
I	Bổ sung có mục tiêu (2)	4.670.467
D	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (3)	486.820

Ghi chú:

- (1) Trong đó:
- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.
- (2) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	26.603.684
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	23.314.528
1	Chi đầu tư phát triển (1)	12.094.519
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	4.550.519
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.750.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	914.000
2	Chi thường xuyên (2)	10.496.744
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.862.237
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	85.134
3	Chi trả lãi vay	172.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.160
5	Dự phòng ngân sách	448.011
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	101.294
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.289.156
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.183.860
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	105.296
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	33
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	914.000
D	Tổng số vay trong năm (4)	1.001.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	914.000
II	Vay để trả nợ gốc	87.800

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.289.156
I	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.289.156

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 1.001.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
- Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 653 triệu đồng.
- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quỹ định là 229.129 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.064.301
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.212.650
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.761.110
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	493.310
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.100.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.150.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	17.800
2	Chi thường xuyên (2)	7.161.904
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.595.478
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.017
3	Chi trả lãi vay	8.900
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	279.736
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.851.651
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	395.800
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	920.257
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	535.594
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	17.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	25.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	17.800
II	Vay để trả nợ gốc	7.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.725.848
I	Bổ sung cân đối ngân sách	874.197
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.851.651
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	685.853

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 25.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 1.710 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.093.178
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.222.865
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.453.946
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	562.846
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.880.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11.100
2	Chi thường xuyên (2)	6.562.584
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.629.875
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29.874
3	Chi trả lãi vay	1.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	204.235
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	870.313
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	595.760
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	79.265
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	195.288
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	11.100
D	Tổng số vay trong năm (5)	17.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	11.100
II	Vay để trả nợ gốc	6.200

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TÂY NINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.334.962
I	Bổ sung cân đối ngân sách	464.649
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	870.313
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	285.681

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 17.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 816 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 53.018 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	23.167.557
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	21.395.499
1	Chi đầu tư phát triển	10.074.111
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	6.324.111
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.750.000
2	Chi thường xuyên (1)	10.891.678
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.222.886
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	120.929
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.800
4	Dự phòng ngân sách	427.910
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.772.058
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.260.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	512.058
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	52
C	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.772.058
I	Bổ sung có mục tiêu (2)	1.772.058
D	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (3)	21.320

Ghi chú:

(1) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

(2) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	18.791.142
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	16.682.023
1	Chi đầu tư phát triển (1)	6.475.618
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản (2)	1.285.618
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.300.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
2	Chi thường xuyên (3)	9.839.047
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.697.416
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	33.696
3	Chi trả lãi vay	32.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.260
5	Dự phòng ngân sách	333.898
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.109.119
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.691.960
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	79.304
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (4)	337.855
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	95
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	12.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	3.500
I	Vay để trả nợ gốc	3.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH LONG AN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	2.109.119
I	Bổ sung có mục tiêu (6)	2.109.119
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	118.428

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 6.488.518 triệu đồng.
- (2) Trong đó đã bao gồm 3.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (3) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 27.898 triệu đồng.
- (4) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 523.339 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TIỀN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	14.456.318
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.441.501
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.483.181
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	653.181
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
2	Chi thường xuyên (2)	7.721.900
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.829.236
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.309
3	Chi trả lãi vay	200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	235.220
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.014.817
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.240.020
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	1.504.331
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	270.466
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	700

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TIỀN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.779.299
I	Bổ sung cân đối ngân sách	2.764.482
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.014.817
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	567.489

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 3.483.881 triệu đồng.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.420 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
 - (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.951.805
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.473.491
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.665.768
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	412.968
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.830.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	22.800
2	Chi thường xuyên (2)	7.591.909
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.168.526
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.269
3	Chi trả lãi vay	5.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	209.014
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.478.314
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.016.800
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	64.714
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	396.800
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	22.800
D	Tổng số vay trong năm (5)	38.600
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	22.800
II	Vay để trả nợ gốc	15.800

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẾN TRE

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.926.167
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.447.853
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.478.314
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	535.338

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 38.600 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.654 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
 - (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
 - (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
 - (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 12.400 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.953.965
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	10.210.244
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.905.695
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	654.995
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	450.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.750.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	50.700
2	Chi thường xuyên (2)	7.096.858
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.058.025
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.700
3	Chi trả lãi vay	3.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	203.191
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.743.721
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.298.140
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	70.481
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	375.100
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	50.700
D	Tổng số vay trong năm (5)	53.300
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	50.700
II	Vay để trả nợ gốc	2.600

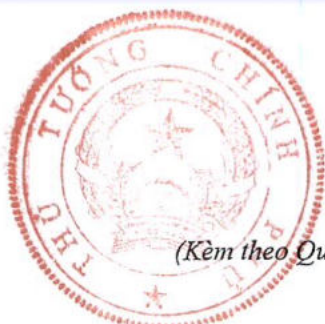
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH TRÀ VINH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.414.905
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.671.184
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.743.721
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	462.238

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 53.300 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.225 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 17.400 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH VINH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	10.353.654
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	9.445.496
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.126.197
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	555.197
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.831.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	40.000
2	Chi thường xuyên (2)	6.110.689
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.691.926
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.242
3	Chi trả lãi vay	19.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	188.110
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	908.158
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	573.600
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	103.454
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	231.104
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	40.000
D	Tổng số vay trong năm (5)	50.000
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	40.000
II	Vay để trả nợ gốc	10.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH VĨNH LONG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.632.654
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.227.001
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	497.495
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	908.158

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 50.000 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.208 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.293.010
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.922.714
1	Chi đầu tư phát triển (1)	7.564.935
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.379.135
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.170.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	2.215.800
2	Chi thường xuyên (2)	7.015.461
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.421.380
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	35.961
3	Chi trả lãi vay	86.800
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.380
5	Dự phòng ngân sách	254.138
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	2.370.296
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.153.160
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	217.136
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (3)	2.215.800
D	Tổng số vay trong năm (4)	2.320.500
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	2.215.800
II	Vay để trả nợ gốc	104.700

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.185.911
I	Bổ sung cân đối ngân sách	815.615
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	2.370.296
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	307.219

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 1.320.500 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn. Đối với nguồn vốn vay trong nước thực hiện vay và phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và Luật Quản lý nợ công.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 954 triệu đồng.
- (3) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (4) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	11.312.189
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.538.369
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.720.924
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	581.524
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.430.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	9.400
2	Chi thường xuyên (2)	4.659.166
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.867.595
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	18.458
3	Chi trả lãi vay	6.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	150.579
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.773.820
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.260.940
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	321.384
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	191.496
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	9.400
D	Tổng số vay trong năm (5)	20.100
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	9.400
II	Vay để trả nợ gốc	10.700

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	5.953.589
I	Bổ sung cân đối ngân sách	1.815.255
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	364.514
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	3.773.820

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 20.100 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 2.760 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	15.315.045
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.199.905
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.074.475
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	824.475
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	400.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.850.000
2	Chi thường xuyên (2)	8.865.022
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.863.925
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	20.960
3	Chi trả lãi vay	15.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	244.308
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.115.140
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	2.400.000
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	75.975
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	639.165
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	15.500

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH SÓC TRĂNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	10.061.865
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.946.725
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	3.115.140
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	503.960

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 3.089.975 triệu đồng.
 - (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 9.962 triệu đồng.
 - (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
 - (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
 - (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 76.925 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	19.929.160
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.922.056
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.973.874
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.381.674
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	620.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	82.200
2	Chi thường xuyên (2)	11.618.715
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.909.187
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	37.983
3	Chi trả lãi vay	11.500
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.170
5	Dự phòng ngân sách	316.797
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	4.007.104
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.329.510
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	68.583
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	609.011
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	82.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	103.700
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	82.200
II	Vay để trả nợ gốc	21.500

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH AN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	13.323.960
I	Bổ sung cân đối ngân sách	8.816.122
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	500.734
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	4.007.104

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 103.700 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 16.433 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 186.150 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.419.409
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.430.433
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.690.186
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.070.186
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.770.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.850.000
2	Chi thường xuyên (2)	10.426.978
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.650.946
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29.314
3	Chi trả lãi vay	3.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.400
5	Dự phòng ngân sách	308.869
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.988.976
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.681.570
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	72.469
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	234.937
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	13.000

Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH ĐỒNG THÁP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	9.256.479
I	Bổ sung cân đối ngân sách	6.617.188
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (5)	650.315
III	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.988.976

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 4.703.186 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 13.412 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
 - * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 171.715 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	17.312.467
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	15.714.259
1	Chi đầu tư phát triển (1)	4.421.389
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.031.389
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.890.000
2	Chi thường xuyên (2)	10.950.575
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.046.488
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	38.207
3	Chi trả lãi vay	26.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.040
5	Dự phòng ngân sách	314.555
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.598.208
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.015.400
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	179.595
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	403.213
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội thu ngân sách địa phương (4)	13.500

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
D	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.827.797
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.229.589
II	Bổ sung có mục tiêu (5)	1.598.208
E	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (6)	348.410

Ghi chú:

- (1) Đã bao gồm trả nợ gốc. Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) thì chi đầu tư phát triển là 4.434.889 triệu đồng.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.479 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối thiểu để trả nợ gốc.
- (5) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 260.285 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẠC LIÊU

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	8.657.358
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	7.368.787
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.577.118
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	454.918
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	250.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.810.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	62.200
2	Chi thường xuyên (2)	4.636.437
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.829.609
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	19.779
3	Chi trả lãi vay	8.100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	146.132
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.288.571
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	988.500
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	133.656
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	166.415
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	62.200
D	Tổng số vay trong năm (5)	81.800
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	62.200
II	Vay để trả nợ gốc	19.600

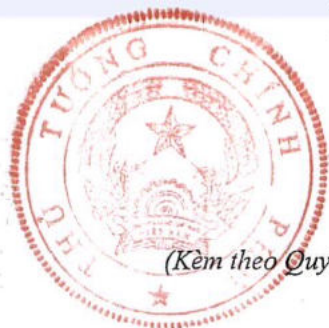
Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH BẠC LIÊU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	4.495.202
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.206.631
II	Bổ sung có mục tiêu (6)	1.288.571
F	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương còn dư năm trước chuyển sang (7)	356.536

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 81.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.
 Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.
- (2) Trong đó:
 - Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
 - Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 5.066 triệu đồng.
- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.
- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.
- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.
- (6) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.
- (7) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.
 * 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 0 triệu đồng.



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	12.420.092
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	11.054.029
1	Chi đầu tư phát triển (1)	3.211.460
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	674.560
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.820.000
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	16.900
2	Chi thường xuyên (2)	7.616.826
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.920.930
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	29.802
3	Chi trả lãi vay	4.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000
5	Dự phòng ngân sách	220.743
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.366.063
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	785.350
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	248.720
3	Bổ sung kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (3)	331.993
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	100
C	Bội chi ngân sách địa phương (4)	16.900
D	Tổng số vay trong năm (5)	30.400
	Gồm:	
I	Vay để bù đắp bội chi	16.900
II	Vay để trả nợ gốc	13.500

Phụ lục II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
TỈNH CÀ MAU

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024
1	2	3
E	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	7.444.982
I	Bổ sung cân đối ngân sách	5.618.995
II	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (6)	459.924
III	Bổ sung có mục tiêu (7)	1.366.063

Ghi chú:

- (1) Trong đó đã bao gồm 30.400 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện các chương trình, dự án.

Khi phân bổ dự toán chi đầu tư từ nguồn vay lại, cần xác định đúng tên chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các chương trình, dự án mới chưa được phê duyệt, chưa ký hiệp định vay, đề nghị địa phương ghi chú rõ căn cứ xác định, tên chương trình, dự án khi giao kế hoạch vốn.

- (2) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2024 tăng so với năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương là 6.650 triệu đồng.

- (3) Chi tiết dự toán số bổ sung cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia và từng dự án thành phần, từng lĩnh vực chi theo Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2024.

- (4) Là mức tối đa địa phương được bội chi ngân sách địa phương.

- (5) Là mức tối đa địa phương được vay trong năm. Đối với khoản vay để trả nợ gốc, khi thực hiện phân bổ vốn đầu tư phát triển, địa phương phải chủ động dành nguồn để chi trả nợ gốc đến hạn.

- (6) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

- (7) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

* 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023 dành để cải cách tiền lương theo quy định là 7.571 triệu đồng.